

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/01/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Xuân Thuỷ

2. Bà Trần Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 282/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bàn Văn H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Chị Thảo Thị L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bàn Văn H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Thào Thị L1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2019. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống thôn K, xã H, huyện L thì hai vợ chồng tôi đi làm công ty. Từ khi đi làm công ty hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với chị Thào Thị L

- Về con chung: Quá trình chung sống tôi và chị L2 01 con chung tên là Thào Văn K ngày 26/4/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng ông bà ngoại tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn tôi mong muốn được nuôi cháu K1 không đề nghị chị L3 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/11/2024 của bị đơn chị Thào Thị L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bàn Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2019. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống thôn K, xã H, huyện L thì hai vợ chồng tôi đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh. Từ khi đi làm công ty hai vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án ly hôn với tôi, tôi nhất trí ly hôn với anh Bàn Văn H

- Về con chung: Quá trình chung sống tôi và anh H có 01 con chung tên là Thào Văn K ngày 26/4/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng ông bà ngoại tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn tôi mong muốn được nuôi dưỡng cháu K1 không đề nghị anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay tôi đang đi làm xa nên cháu K2 do ông bà ngoại chăm sóc giúp trong thời gian tôi đi làm, việc nuôi chăm sóc cháu K3 mẹ tôi cũng đồng thuận chăm sóc giúp tôi để tôi có điều kiện đi làm kiếm thu nhập cho cuộc sống của hai mẹ con.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh đối với ông Thào Seo P (bố đẻ của chị Thào Thị L4 08/11/2024 và ngày 12/11/2024 thể hiện như sau: Chị Thào Thị L5 con đẻ của tôi. Chị L6 anh H3 nguyện tìm hiểu nhau dẫn tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Hai con chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng từ năm 2020 các con phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai cùng đi làm công ty, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải khuyên nhủ nhưng hai con không nghe. Các con có 01 người con chung tên là Thào Văn K ngày 26/4/2019. Hiện nay cháu đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giúp cho chị L7 làm thuê tại Công ty. Các con không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông P1 cấp thêm: Hôn nhân là do hai con tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn thành vợ chồng. Anh H4 định

tình cảm vợ chồng không còn, muốn ly hôn với chị L8 gia đình tôi không có ý kiến gì và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Gia đình tôi đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên do con gái tôi là chị Thảo Thị L9 nay đang đi làm thuê tại Công ty không trực tiếp nhận được, gia đình tôi sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho cháu L10 chỉ đi làm của cháu L11 đình không biết. Chị L12 thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Khi cháu L13 điện thoại về gia đình cũng đã nói về việc Toà án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh Bàn Văn H5 kiện xin ly hôn. Chị L2 nói lại với gia đình nhất trí ly hôn với anh Bàn Văn H6 đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật và chị L2 nguyện vọng mọi văn bản của Toà án khi gửi cho chị L14 cho ông T S Phứ địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang ông P sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho chị L15 được thông tin văn bản của Toà án.

- Tại các biên bản xác minh đối với ông Ma Đức H7(Trưởng thôn Bản B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang và biên bản xác minh đối với ông Nông Văn T1 (Phó trưởng Công an xã T) đều thể hiện: Chị L5 công dân thôn Bản Ba 1, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang Chị L là con của ông Thảo Seo P2 bà Giàng Thị D Chị L16 nay không có mặt tại địa phương đã đi làm thuê tại Công ty, địa chỉ ở đâu thì thôn và Công an xã không biết rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35, 39 BLTTDS; xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp theo Điều 28 BLTTDS, tư cách tham gia tố tụng quy định tại các Điều 68 BLTTDS; việc xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại 203 BLTTDS; thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định; thực hiện việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án đảm bảo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về nội dung vụ án như sau:

- Căn cứ pháp luật: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 28, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* của nguyên đơn anh Bàn Văn H8

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bàn Văn H9 hôn với chị Thào Thị L

- Về con chung: Giao cháu Thào Văn K ngày 26/4/2019 cho anh Bàn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Thào Thị L17 phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn anh Bàn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 21/10/2024, số tiền 300.000 đồng. Anh H đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn chị Thào Thị L không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Anh Bàn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Thào Thị L; Chị Thào Thị L có đăng ký thường trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Việc Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, do đó vụ án thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2] Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bàn Văn H10 mặt đầy đủ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Thào Thị L vắng M tại các buổi làm việc, có đơn xin xét xử vắng mặt đã được bố để chị L18 nộp trực tiếp tại Tòa án. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự, không hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và mở phiên họp về kiểm tra tiếp cận chứng cứ và hòa giải, đồng thời tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh H10 mặt theo đúng thời gian Tòa án hẹn làm việc, chị L19 mặt tại các buổi làm việc, các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đánh giá về nội dung vụ án như sau:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bàn Văn H6 chị Thào Thị L được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Anh H6 chị L20 sống hạnh phúc, cùng nhau đi làm công ty. Tuy nhiên đến năm 2020 chị L6 anh H11 sinh mâu thuẫn dẫn đến chị L21 về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh H6 chị L22 sống ly thân từ từ năm 2020 cho đến nay. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H6 chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án anh H12 nguyên quan điểm xin ly hôn với chị Thào Thị L và tại bản tự khai chị L23 trình bày nhất trí ly hôn với anh H, xét thấy anh H6 chị L24 thuận tình ly hôn, việc ly hôn không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

3.2. Về con chung:

Quá trình chung sống anh H6 chị L có 01 con chung là cháu Thào Văn K4, sinh ngày 26/4/2019. Khi ly hôn anh H và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không đề nghị bên còn lại cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, đây đều là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, sự phát triển tốt nhất cho đứa trẻ cả về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện của nguyên đơn anh Bàn Văn H13 xác minh tại địa phương nơi cư trú cho thấy anh H14 có nhà riêng, hiện đang làm nghề lao động tự do cụ thể làm nghề sơn nhà, có thu nhập ổn định còn chị L hiện nay có không có mặt tại địa phương, chưa có nhà riêng ổn định, vẫn đang chung sống cùng nhà của bố mẹ đẻ, đi làm xa nhà và không rõ địa chỉ cụ thể. Vì vậy HĐXX thấy rằng cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Thào Văn K5 anh Bàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, có căn cứ, đảm bảo được cả về vật chất, tinh thần cho cháu K, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ Hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình đó là: “Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em”. Xét về điều kiện kinh tế, chỗ ở, mức thu nhập, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thấy rằng anh H có đủ điều kiện cả về vật chất và tinh thần tốt hơn điều kiện của chị Thào Thị L25 giao cháu Thào Văn K4 cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục mới đảm bảo được sự phát triển đầy đủ về mọi mặt của con, phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung:

Anh H6 chị L cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Bàn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và các Điều 35, 39, 227, 228, 235, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 143, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bàn Văn H ly hôn với chị Thào Thị L (Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 do UBND xã H ngày 30/10/2019).

2. Về con chung: Xử giao cháu Thào Văn K ngày 26/4/2019 cho anh Bàn Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Chị Thào Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L2 quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bàn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 00002048680 ngày 21/10/2024 của Công ty cổ phần T2 theo biên lai thu tiền số 0000671 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh H14 nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Thào Thị L không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Bàn Văn H6 chị Thào Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Tú

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

